

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **11/2020/DS-ST**
Ngày 01-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Hồng Trang;

+ Bà Nguyễn Thị Thân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1970; cư trú tại: Số nhà 14, đường N, tổ 6, khu phố 7, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Đại diện hợp pháp của bà Lê Thị T: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1983; HKTT tại: Số 36/6, khu phố 1, phường H, Quận m, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Số 18, đường V, tổ 7, khu phố 7, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Văn bản ủy quyền ngày 30/01/2020; vắng mặt.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 76, đường H, khu phố 2, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N), sinh năm 1972; cư trú tại: Số 76, đường H, khu phố 2, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn – Bà Lê Thị T và đại diện hợp pháp của bà T là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào ngày 08/8/2017 âm lịch, bà T có cho vợ chồng ông L, bà B (N) vay số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng làm vốn mua bán hàng tiêu dùng để bán sang Campuchia, hẹn một tháng trả. Khi vay, hai bên thỏa thuận có tính lãi nhưng không xác định cụ thể mức lãi suất “làm ăn được thì cho nhiều, không được thì cho ít”. Thời hạn trả tiền vay và lãi suất, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Ông L và bà B (N) có viết giấy biên nhận và ký tên. Sau khi vay, ông L và bà B (N) đã không thực hiện trả tiền gốc và tiền lãi.

Nay, bà T yêu cầu ông L và bà B (N) hoàn trả tiền gốc 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 08/8/2017 âm lịch (ngày 27/9/2017 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn - Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp của bà Lê Thị T có đơn xin vắng mặt và yêu cầu tính tiền lãi theo lãi suất 9%/năm.

- Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B (N) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, buộc ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B (N) hoàn trả cho bà Lê Thị T tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi tính lãi theo lãi suất 9%/ năm từ ngày 27/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông L và bà B (N) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn - bà Lê Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B

(N) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Bà Lê Thị T yêu cầu ông L và bà B (N) hoàn trả tiền gốc 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 08/8/2017 âm lịch (ngày 27/9/2017 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T là bản gốc giấy “Biên nhận” (bút lục 29) có chữ ký của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N). Ông L và bà B (N) đã được thông báo về việc kiện nhưng không có ý kiến. Theo quy định khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ kiện. Do đó căn cứ vào chứng cứ do bà Lê Thị T cung cấp, xác định số tiền ông L và bà B (N) có vay của bà T 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng là sự thật. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, buộc ông L và bà B (N) hoàn trả cho bà T tiền gốc khoản tiền vay là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

[3] Về tiền lãi:

Trong hợp đồng vay giữa bà T và ông L, bà B (N), không ghi rõ lãi suất. Đại diện hợp pháp của bà T cho rằng có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định mức cụ thể và yêu cầu tính theo mức lãi suất 9%/năm kể từ ngày 27/9/2017 (ngày vay) đến ngày xét xử sơ thẩm 01/6/2020 (32 tháng 04 ngày). Căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, yêu cầu về tiền lãi của bà T không vượt quá quy định của pháp luật nên yêu cầu này được chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau:

$300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 32 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 72.300.000 \text{ đồng}.$

Bà T xác định từ khi vay đến nay không nhận được khoản tiền lãi. Ông L và bà B (N) không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc trả tiền lãi. Do đó, buộc ông L và bà B (N) hoàn trả cho bà T 72.300.000 đồng tiền lãi.

Tổng cộng ông L và bà B (N) hoàn trả cho bà T tiền gốc và tiền lãi là 372.300.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông L và bà B (N) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền được Tòa án chấp nhận: $5\% \times 372.300.000 \text{ đồng} = 18.615.000 \text{ đồng}.$

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T: Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N) có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền gốc 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi 72.300.000 (bảy mươi hai triệu, ba trăm nghìn) đồng; tổng cộng gốc và lãi là 372.300.000 (ba trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/6/2020) cho đến khi thi hành xong, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N) chịu 18.615.000 (mười tám triệu, sáu trăm mười lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị T 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007083 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà Lê Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị B (Nguyễn Thị N) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại UBND thị trấn Tân Biên, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT (1);
- VKS huyện Tân Biên (2);
- Chi cục THADS huyện Tân Biên (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu tập án (1);
- Lưu hồ sơ (0³).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh-Đã ký.